

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHI LĂNG  
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-ST

Ngày 14-5-2021

Về việc ly hôn, tranh chấp chia tài  
sản khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHI LĂNG, TỈNH LẠNG SƠN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Thế Khuynh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Lô Thùy Linh;

Ông Hoàng Xuân Cương.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Triệu Thị Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Loan - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11 và 14 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 101/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2020, về việc: Ly hôn, tranh chấp chia tài sản khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2021/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2021; Quyết định thay đổi Hội thẩm nhân dân số 15/2021/QĐ-TA ngày 07 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

**- Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1977; địa chỉ: Khu Đ, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

**- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, địa chỉ: Số 02 L, quận B, thành phố Hà Nội.

**Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Hoàng Văn B, chức vụ: Trưởng phòng Kế hoạch - Kinh doanh Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn - Chi nhánh huyện C, tỉnh Lạng Sơn (theo Quyết

định số 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27/12/2019 của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam và Quyết định số 85/QĐ-NHNo.Cla ngày 19/4/2021 của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn - Chi nhánh huyện C), có mặt.

- Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị H, địa chỉ: Khu Đ, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Hoàng Thị L trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị L và ông Nguyễn Văn H, có được tìm hiểu nhau, cả hai tự nguyện kết hôn. Ngày 09/3/2010, đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q (nay là Ủy ban nhân dân thị trấn Đ). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Năm 2013, hai vợ chồng ông bà ra ở riêng, cuộc sống vợ chồng vẫn hạnh phúc, đôi lúc có xảy ra mâu thuẫn nhỏ. Khoảng năm 2016, một lần do đi ăn cưới về say rượu, ông H đã gây sự đánh bà. Việc ông H đánh bà, hàng xóm cũng biết nhưng bà vẫn cố gắng tiếp tục chung sống. Đến tháng 3 năm 2019, mâu thuẫn trầm trọng xảy ra do ông H ghen tuông, đánh bà làm chảy máu mũi, dập lá mía. Sự việc xảy ra bà phải sang nhà hàng xóm là ông Đường Kim T (ngay cạnh nhà) xin phép lên tầng 2 của nhà ông để treo qua trần nhà mình lấy chìa khóa xe máy về nhà bố mẹ đẻ. Sau đó nhiều lần ông H đánh bà vì sợ, nên bà không dám sống chung nữa. Sau khi bà về nhà bố mẹ ở, ông H có nhắn tin bảo bà về nhà, bà có về nhưng một thời gian đầu lại vào đây nên hiện nay bà vẫn ở nhà bố mẹ đẻ. Từ tháng 3 năm 2020 vợ chồng ly thân, bà L về ở nhà bố mẹ đẻ, ông H chưa từng đến để nói chuyện của hai vợ chồng. Khoảng tháng 7 năm 2020, ông Nguyễn Văn H viết đơn ly hôn, với lý do ông H cho rằng tình cảm vợ chồng không còn. Tháng 9 năm 2020, ông H rút đơn, Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án; lý do ông H rút đơn là để hàn gắn tình cảm vợ chồng và không thỏa thuận được với nhau về phân tài sản. Sau khi ông H rút đơn, bà có về nhà một vài lần để vợ chồng nói chuyện với nhau, nhưng ông H thấy bà về nhà là bỏ về nhà bố mẹ, vợ chồng không nói chuyện được với nhau. Nay, bà Hoàng Thị L thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, bà đề nghị được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

Về con chung: Vợ chồng bà Hoàng Thị L và ông Nguyễn Văn H không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Năm 2010, vợ chồng bà Hoàng Thị L và ông Nguyễn Văn H nhận chuyển nhượng nhà đất của bà Nguyễn Thị H là chị gái ruột của ông H với giá 80.000.000 đồng với diện tích đất 116m<sup>2</sup>, thửa số 60 tờ bản đồ số 65, mục đích đất ở nông thôn; địa chỉ thôn M, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Ngày 29/5/2014, Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 189273 cho

hộ ông Nguyễn Văn H và bà Hoàng Thị L đối với diện tích đất này. Từ khi vợ chồng bà nhận chuyển nhượng đến nay không tranh chấp với ai. Trên diện tích đất này có 01 ngôi nhà cấp 4, diện tích xây dựng 60m<sup>2</sup>. Năm 2016, vợ chồng bà xây thêm 01 nhà vệ sinh bên ngoài, phía đằng sau nhà chính, diện tích khoảng 12m<sup>2</sup>. Năm 2018, lắp mái tôn đằng trước và sau nhà chính. Theo giá của Hội đồng định giá thì giá trị quyền sử dụng đất là 348.000.000 đồng; nhà, công trình phụ và các tài sản gắn liền với đất là 115.261.200 đồng; xe ô tô nhãn hiệu Thaco biển kiểm soát 12C-07788 giá trị còn lại 166.656.000 đồng; xe mô tô nhãn hiệu Sirius, biển kiểm soát 12X1-015.03 giá trị còn lại là 6.000.000 đồng. Năm 2015, vợ chồng bà mở kinh doanh cho thuê loa đài đám cưới, có mua 04 bộ âm ly, loa đài, ti vi, cây vi tính, giá trị mua ban đầu 50.000.000đ/ 01 bộ nhưng phải thay mới liên tục do nâng cấp. Giá trị cả 04 bộ, tính cả khấu hao hiện nay khoảng 70.000.000 đồng. Bộ âm ly này chủ yếu là ông H kinh doanh cho thuê. Vợ chồng bà mở quán tại nhà và chồng bà là người trực tiếp làm công việc này.

Về nợ chung: Có 03 khoản nợ vay Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện C theo các Hợp đồng: Khoản nợ vay thứ nhất do ông Nguyễn Văn H trực tiếp vay hiện còn dư nợ khoảng 57.000.000 đồng, khoản vay này có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khoản vay thứ hai do bà Hoàng Thị L trực tiếp vay hiện dư nợ còn khoảng 128.000.000 đồng. Ngoài ra còn khoản vay thấu chi hiện còn nợ khoảng 49.000.000 đồng là khoản bà L tự vay sử dụng riêng sau khi đã ly thân nên bà L sẽ tự chịu trách nhiệm trả cho ngân hàng (bà L không nhớ chính xác dư nợ các khoản vay).

Khi ly hôn, bà Hoàng Thị L yêu cầu được quyền quản lý, sử dụng các tài sản gồm nhà đất và các tài sản gắn liền với đất, còn các tài sản khác trong khối tài sản chung vợ chồng bà L đề nghị để cho ông H sử dụng, các tài sản có giá trị như ô tô, xe máy, 4 bộ âm ly loa đài. Bà Hoàng Thị L có trách nhiệm thanh toán các khoản nợ vay của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện C; đồng thời thanh toán khoản tiền chênh lệch giá trị tài sản cho ông Nguyễn Văn H trên cơ sở đối trừ giá trị tài sản theo kết quả định giá tài sản.

Bà Hoàng Thị L cam kết tự chịu trách nhiệm trả số tiền bà L đã vay, cho Ngân hàng nông nghiệp chi nhánh huyện C.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn H thừa nhận về điều kiện kết hôn đúng như bà Hoàng Thị L trình bày, ông H và bà L kết hôn năm 2010, trước khi cưới có được tìm hiểu nhau trong thời gian ngắn và đi đăng ký kết hôn vào ngày 09/3/2010. Cuộc sống hạnh phúc đến năm 2019, thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, không quan tâm đến nhau. Vợ chồng ông sống ly thân từ cuối năm 2019 đến nay. Nay bà L yêu cầu ly hôn với ông, ông H cũng đồng ý. Về con chung: Không có con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Xác định khối tài sản chung như bà L đã trình bày, về giá trị tài sản ông H chấp nhận theo giá của Hội đồng định giá xác định. Về nợ chung, có khoản nợ chung tại Ngân hàng Nông

ng nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện C theo Hợp đồng tín dụng số 8412-LAV-201801950 ngày 07/9/2018 do ông H ký vay, nay còn dư nợ 57.000.000 đồng, còn các khoản nợ khác là do bà Hoàng Thị L tự vay, sử dụng riêng, ông H không được biết, không liên quan nên ông H không chịu trách nhiệm.

Ông Nguyễn Văn H không đồng ý với yêu cầu chia tài sản của bà Hoàng Thị L. Ông H yêu cầu được quản lý, sử dụng toàn bộ tài sản với lý do ông H không có việc làm ổn định, mà chỉ kinh doanh cho thuê loa, âm ly nên cần có địa điểm để ở, kinh doanh và cần xe để vận chuyển. Ông H sẽ có trách nhiệm trả nợ ngân hàng khoản vay dư nợ 57.000.000 đồng và thanh toán tiền chênh lệch giá trị tài sản cho bà L số tiền 400.000.000 đồng, trả theo quy định của pháp luật và thông qua thi hành án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn - Chi nhánh huyện C, đã cung cấp bản tự khai: Căn cứ vào hồ sơ vay vốn của khách hàng Hoàng Thị L và Nguyễn Văn H như sau: Có 03 hợp đồng tín dụng gồm: Hợp đồng tín dụng số 8412-LAV-201801950 ngày 07/9/2018 dư nợ tính đến ngày 15/4/2021 là 57.000.000 đồng. Hợp đồng tín dụng số 8412-LAV-201901930 ngày 14/9/2017 dư nợ tính đến ngày 15/4/2021 là 128.319.000 đồng. Hợp đồng thấu chi số 8412-LAV-202100022 ngày 05/01/2021 dư nợ tính đến ngày 15/4/2021 là 49.654.358 đồng. Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn - Chi nhánh huyện C đề nghị Tòa án xem xét các khoản nợ trên vì đều là các món vay sử dụng chung như phát triển kinh tế, sửa chữa nhà, vay tiêu dùng đều là mục đích sử dụng chung, và các khoản vay trên đã chuyển thành nợ xấu do đó ông H và bà L đều phải có trách nhiệm trả nợ ngân hàng.

Tại phiên tòa đại diện Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn - Chi nhánh huyện C, người đại diện theo ủy quyền ông Hoàng Văn B sau khi nghe trình bày của các đương sự đã có ý kiến: Chấp nhận 02 khoản vay dư nợ 57.000.000 đồng và 128.319.000 đồng là nợ chung, ông Nguyễn Văn H và bà Hoàng Thị L phải chịu trách nhiệm trả cho ngân hàng theo hợp đồng, chỉ sau khi thanh toán khoản nợ mới có toàn quyền định đoạt tài sản thế chấp là nhà, đất. Còn Hợp đồng thấu chi là khoản bà L vay thế chấp lương nên bà L phải có trách nhiệm trả cho ngân hàng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, sau khi xem xét thẩm định tại chỗ, xác định được tài sản chung của vợ chồng gồm:

01 thửa đất có diện tích 116m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 60, tờ bản đồ địa chính số 5 tại thôn M (nay là khu Đ), thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Loại đất: Đất ở tại nông thôn, có các phía tiếp giáp như sau: Phía Tây Bắc có cạnh dài 7,6m tiếp giáp tỉnh lộ 234. Phía Đông Nam có cạnh dài 6,4m tiếp giáp đường sắt. Phía Tây Nam có cạnh dài 16,7m tiếp giáp đất của hộ ông Đường Kim T (thửa đất số 75). Phía Đông Bắc có cạnh dài 16,1m tiếp giáp đất của hộ bà Hoàng Thị T (thửa đất số 59).

Công trình, vật, kiến trúc trên đất: 01 nhà ở, có diện tích 31,08m<sup>2</sup>, có kích thước 7,4m x 4,2m. Vị trí nằm về phía tây bắc của phần đất, giáp đường tỉnh lộ 234. Nhà xây mái bằng, tường xây gạch bê tông, nền lát gạch cerami. Trước cửa nhà có bán mái kích thước 7,4m x 5,2m tiếp giáp đường tỉnh lộ 234. Phía ngoài đằng sau ngôi nhà có cầu thang kích thước 0,7m x 7,6m. Phía sau ngôi nhà có: Nền láng vữa xi măng kích thước 4,5m x 3,9m. Phía Nam có 01 tường xây gạch ba banh kích thước 4m x 1,6m, không trát 02 mặt. 01 giếng khoan, sâu 36m, vị trí nằm phía trước chuồng gà. 01 nhà vệ sinh có diện tích 3,42m<sup>2</sup>; kích thước 2,85m x 1,2m. Phía trên nhà vệ sinh có 01 téc nước, loại Sơn Hà 1.500 lít. Phía trước nhà vệ sinh và nối tiếp ngôi nhà có: Bán mái 1 kích thước 6m x 3,25m, khung cột bằng sắt, mái lợp tôn, nền láng vữa xi măng. Bán mái 2 kích thước 4m x 1,5m, khung cột sắt, mái tôn. Cạnh nhà vệ sinh có 01 chuồng gà kích thước 2,5m x 2,2m, mái lợp pro xi măng.

Cây trên đất: 01 cây chanh, đường kính 02 - 05cm; 02 cây mắc mật đường kính 10 - 15cm.

Các tài sản có giá trị: 01 chiếc xe máy sirius màu vàng do bà Hoàng Thị L mang đến, Hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ xác nhận: là loại xe máy hiệu sirius RC, nhãn hiệu Yamaha, biển kiểm soát 12X1 - 015.03, màu vàng - đen, số kilomet đã đi được 24814 km, được Công an tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 001762 ngày 21/11/2012 cho ông Nguyễn Văn H, thôn M, xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, số khung: C640CY910990, số máy: 5e64910992; 01 xe ô tô tải hãng THACO biển kiểm soát 12C-07788 màu xanh số khung RNHA245AC\*C, khối lượng 1.060kg được đăng ký ngày 10/9/2018, khi mua có giá 227.300.000 đồng. Nhưng tại thời điểm xem xét thẩm định tại chỗ không có chiếc xe này.

Các tài sản khác 01 giá nâng hàng, bằng sắt, màu xanh, chạy bằng ắc quy; 01 loa thùng có gắn nhãn SRX 725 (màu đen trắng) và 01 loa nhãn JBL (màu cam); 01 máy xịt khói; 01 âm ly màu đen, không biết xuất xứ; 01 bàn mixer (chỉnh âm thanh); 03 đầu vi tính; 01 ổ áp Lioa công suất 3000; 01 đèn chiếu nháy màu đen không biết xuất xứ; 01 chiếc thu mic; 02 chiếc lọc xì; 01 cục đẩy; 01 cây chọn bài vi tính; 01 loa có dòng chữ Prosound. Những tài sản này chưa được truyền thiết bị điện nên không xem xét được công dụng, không xác định được có hoạt động hay không. Bà Hoàng Thị L yêu cầu xem xét thẩm định tại chỗ đối với 04 bộ âm ly, loa đài, tuy nhiên tại thời điểm xem xét thẩm định tại chỗ không đủ các sản phẩm theo yêu cầu của bà L.

Do các đương sự không tự thỏa thuận được về giá trị tài sản nên Hội đồng định giá đã quyết định định giá như sau:

*Đất: Kết quả định giá theo giá thị trường: 348.000.000 đồng.*

Công trình, vật, kiến trúc trên đất:

01 nhà ở, có diện tích 31,08m<sup>2</sup>, có giá trị còn lại là: 24.637.200 đồng.

01 cửa cuốn kích thước 3,2m x 3m; có giá 7.968.000 đồng.

01 cửa sắt xếp có kích thước 3,1m x 2,4m; có giá 5.580.000 đồng.

Bán mái kích thước 7,4m x 5,2m; có giá 28.514.000 đồng.

Nền lát vữa xi măng sau nhà kích thước 4,5m x 3,9m; có giá 2.896.000 đồng.

Tường xây gạch ba banh kích thước 4m x 1,6m, không trát 02 mặt; có giá: 3.046.000 đồng.

Giếng khoan, sâu 36m; có giá 9.000.000 đồng.

01 nhà vệ sinh có diện tích 3,42m<sup>2</sup>; kích thước 2,85m x 1,2m; có tường, mái xây gạch bê tông; giá trị còn lại là 9.944.000 đồng.

Phía trên nhà vệ sinh có 01 téc nước, loại Sơn Hà 1.500 lít, thành tiền: 3.000.000 đồng.

Bán mái 1 kích thước 6m x 3,25m, có giá 14.449.500 đồng.

Bán mái 2 kích thước 4m x 1,5m, có giá 4.446.000 đồng.

Chuồng gà kích thước 2,5m x 2,2m, có giá 4.075.500 đồng.

01 cây chanh, có giá 142.000 đồng

02 cây mắc mật, có giá 460.000 đồng.

*Tổng giá trị tài sản gắn liền với đất: 118.158.200 đồng.*

01 chiếc xe máy hiệu sirius RC, nhãn hiệu Yamaha, biển kiểm soát 12X1 - 015.03, màu vàng - đen, giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 001762 ngày 21/11/2012 cho ông Nguyễn Văn H, giá trị còn lại: 6.000.000 đồng.

01 xe ô tô tải hãng THACO biển kiểm sát 12C-07788 màu xanh, giá trị còn lại: 166.656.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản được định giá là: 638.814.200 đồng (làm tròn số: 638.814.000 đồng).

Đối với các tài sản khác như ti vi, tủ lạnh, máy giặt bà Hoàng Thị L, ông Nguyễn Văn H không yêu cầu xem xét thẩm định và định giá.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Nguyên đơn bà Hoàng Thị L đã tạm ứng chi cho việc xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản số tiền: 15.000.000 đồng. Sau khi xem xét thẩm định, định giá tài sản đã hoàn lại cho bà L số tiền thừa là: 6.400.000 đồng. Tổng chi phí tố tụng là 8.600.000 đồng, trong đó chi phí xem xét thẩm định là: 5.100.000 đồng; chi phí định giá là 3.500.000 đồng

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không tự thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

Các tình tiết sự kiện không phải chứng minh và các tình tiết các bên đã thống nhất: Về quan hệ hôn nhân tại phiên tòa bà Hoàng Thị L và ông Nguyễn Văn H đồng ý ly hôn. Về con chung không có. Về tài sản chung: Tranh chấp đất, nhà và các tài sản gắn liền với đất, cùng với các tài sản khác là tài sản chung vợ chồng, có tổng giá trị tài sản chung là: 638.814.000 đồng. Các tài sản không tranh chấp gồm: 04 bộ âm ly, 01 giá nâng hàng; 01 ti vi, 01 tủ lạnh, 01 máy giặt. Về nguồn gốc nhà, đất tranh chấp trong vụ án là do vợ chồng nhận chuyển nhượng từ năm 2010, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và người chuyển nhượng nhà, đất đã nhận đủ tiền theo giấy chuyển nhượng. Về công lao đóng góp là ngang nhau. Về các khoản nợ chung gồm nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện C là 01 khoản dư nợ 57.000.000 đồng. Khoản nợ riêng của bà Hoàng Thị L vay thấu chi với Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Những tình tiết các bên chưa thống nhất: Về phân chia tài sản chung, nợ chung. Bà Hoàng Thị L yêu cầu được sử dụng nhà, đất và các tài sản gắn liền với đất với lý do bà L là phụ nữ hiện không có nơi ở và bà có đủ khả năng thanh toán tiền chênh lệch ngay để ông H lo nơi ở mới trong khi ông H không thể lo được. Về nợ chung bà L cho rằng có 02 khoản nợ ngân hàng. Còn ông H cũng yêu cầu được sử dụng toàn bộ tài sản với lý do ông H sinh sống bằng việc kinh doanh cho thuê âm ly, loa nên cần có nơi ở ổn định và cơ sở kinh doanh, ông H sẽ thanh toán tiền chênh lệch cho bà L qua thi hành án. Về nợ chung ông H cho rằng chỉ có 01 khoản, khoản bà L tự ý vay, sử dụng riêng ông không được biết, không được sử dụng nên ông không có trách nhiệm.

Bà Hoàng Thị L giao nộp chứng cứ cho Tòa án gồm: Trích lục kết hôn; giấy tờ tùy thân; các tài liệu chứng cứ chứng minh về tài sản chung và nợ chung. Chứng cứ ông Nguyễn Văn H nộp cho Tòa án gồm lời trình bày. Chứng cứ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn cung cấp gồm hợp đồng tín dụng và các tài liệu khác liên quan đến việc vay vốn.

Phát biểu của kiểm sát viên:

Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về lập hồ sơ vụ án; xác định tư cách những người tham gia tố tụng; quan hệ tranh chấp; thu thập tài liệu chứng cứ; thời hạn giải quyết; thành phần Hội đồng xét xử; trình tự thủ tục tranh tụng tại phiên tòa theo quy định tại các Điều 48, 68, 70, 71, 72, 73, 203, 204, 208, 209, 210, 211, 220 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền thụ lý vụ án; xác định quan hệ pháp luật; xác định tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng; việc giao nộp chứng cứ; việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai đương sự; thời hạn chuẩn bị xét xử; thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; thời hạn giao hồ sơ cho Viện kiểm sát đã thực hiện đúng

theo các Điều 28, 35, 68, 96, 97, 98, 99, 184, 203, 205, 208, 209, 210, 211, 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55; Luật Hôn nhân và Gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: Xử công nhận thuận tình ly hôn của nguyên đơn Hoàng Thị L và bị đơn Nguyễn Văn H.

Về con chung: Không có; không đề nghị xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Căn cứ các Điều 27, 37, điểm a, b khoản 2, khoản 3 Điều 59, Điều 60 Luật Hôn nhân và Gia đình, đề nghị mỗi người được chia  $\frac{1}{2}$  giá trị tài sản theo quy định của pháp luật. Xác định khối tài sản chung có tổng trị giá: 638.814.000 đồng. Cụ thể giá trị phần tài sản mỗi bên được nhận là tổng giá trị tài sản chung của vợ chồng  $638.814.000 \text{ đồng} / 2 = 319.407.000 \text{ đồng}$ .

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình. Căn cứ thực tế về nhu cầu sử dụng, cũng như đảm bảo cuộc sống của đương sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử chia tài sản cho các đương sự như sau:

Giao cho nguyên đơn Hoàng Thị L được quản lý, sở hữu tài sản: Xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius BKS 12X1-015.03, trị giá 6.000.000 đồng. Xe ô tô tải BKS 12C-077.88, trị giá 166.656.000 đồng.

Giao cho bị đơn Nguyễn Văn H được quản lý, sở hữu tài sản: Diện tích 116m<sup>2</sup> đất tại thửa số 60, tờ bản đồ số 05. Trên mảnh đất có 01 ngôi nhà cấp 4 xây gạch ba banh, tổng diện tích 60m<sup>2</sup>. Đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các công trình, tài sản gắn liền trên đất. Trị giá 399.459.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn H có trách nhiệm thanh toán cho bà Hoàng Thị L phần chênh lệch giá trị tài sản được nhận là: 146.751.000 đồng.

Về nợ chung: Xác định nợ chung gồm: Hợp đồng tín dụng số 8412 LAV 201701930 ký kết ngày 14/9/2017 giữa Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện C và bà Hoàng Thị L. Hợp đồng tín dụng số 8412 LAV 201801950 ký kết ngày 07/9/2018 giữa Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện C và ông Nguyễn Văn H. Nguyên đơn bà Hoàng Thị L và bị đơn ông Nguyễn Văn H cùng chịu trách nhiệm trả nợ.

Đối với Hợp đồng thấu chi bà Hoàng Thị L tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện C ký kết ngày 05/01/2021, được xác lập vào tháng 01/2021 khi đã ly thân: không phải nợ chung, Bà L có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện trả nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng.

Về chi phí tố tụng và án phí:

Căn cứ khoản 3 Điều 157; khoản 2 Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự



Nguyên đơn chịu chi phí xem xét thẩm định. Nguyên đơn và bị đơn có trách nhiệm cùng chịu chi phí định giá tài sản.

Căn cứ điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016,

Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định.

Nguyên đơn và bị đơn, mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với phần tài sản được chia theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người làm chứng bà Nguyễn Thị H do mới tiêm vắc xin phòng dịch, sức khỏe không đảm bảo, vắng mặt có lý do. Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến gì về sự vắng mặt đó và yêu cầu phiên tòa được tiếp tục. Xét thấy sự vắng mặt của bà H không gây ảnh hưởng cho việc xét xử, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị L và ông Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, nên hôn nhân là hợp pháp. Tuy nhiên cuộc sống chung của vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, dẫn đến bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng, thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa bà Hoàng Thị L và ông Nguyễn Văn H thuận tình ly hôn. Hội đồng xét xử thấy việc thuận tình ly hôn giữa bà Hoàng Thị L và ông Nguyễn Văn H không vi phạm điều cấm của luật và không trái với đạo đức xã hội, nên cần công nhận thuận tình ly hôn theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Không có.

[4] Về tài sản chung: Bà Hoàng Thị L và ông Nguyễn Văn H xác định tài sản chung gồm: Các tài sản có tranh chấp được định giá: 01 thửa đất có diện tích 116m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 60, tờ bản đồ địa chính số 5 tại thôn M (nay là khu Đ), thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn và các tài sản gắn liền với đất; 01 xe ô tô tải, 01 xe mô tô. Các tài sản không tranh chấp, không định giá: 04 bộ âm ly và các vật dụng như ti vi, tủ lạnh, máy giặt.

[5] Về nguồn gốc nhà, đất do vợ chồng ông Nguyễn Văn H và bà Hoàng Thị L mua với vợ chồng bà Nguyễn Thị H cùng trú tại khu Đ, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn vào năm 2010. Tại biên bản lấy lời khai ngày 26 tháng 4 năm 2021 bà Nguyễn Thị H khẳng định việc vợ chồng bà có được chuyển nhượng cho vợ chồng ông Nguyễn Văn H và bà Hoàng Thị L nhà và đất nêu trên. Ông Nguyễn Văn H và bà Hoàng Thị L đã thanh toán xong giá trị hợp đồng và đã được cấp

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Như vậy có đủ căn cứ để khẳng định nhà, đất và các tài sản khác có tranh chấp là tài sản chung tạo dựng được trong thời kỳ hôn nhân.

[6] Về công sức đóng góp: Ông Nguyễn Văn H và bà Hoàng Thị L tự xác định là có đóng góp công sức ngang nhau, căn cứ vào điểm a, b khoản 2, khoản 5 Điều 59 của Luật Hôn nhân gia đình và đề nghị của nguyên đơn, bị đơn Hội đồng xét xử chia tài sản chung và nợ chung theo tỷ lệ 1/2 cho nguyên đơn và bị đơn.

[7] Về nhu cầu sử dụng: Bà Hoàng Thị L hiện tại không có nơi ở ổn định phải về ở nhờ nhà bố mẹ đẻ nên bà L có nhu cầu cấp thiết về nơi ở. Ông Nguyễn Văn H hiện tại đang sinh sống tại ngôi nhà và thửa đất có tranh chấp, ông H cũng không có nơi ở khác nên cũng có nhu cầu sử dụng. Ngôi nhà tranh chấp có diện tích 31,08m<sup>2</sup>, có kích thước 7,4m x 4,2m. Không thể chia đôi vì không đảm bảo nhu cầu sử dụng. Các tài sản như ô tô, xe máy là phương tiện phục vụ cho sinh hoạt và kinh doanh của ông Nguyễn Văn H nên giao cho ông H sở hữu.

[8] Về giá trị tài sản tranh chấp: Các đương sự không tự thỏa thuận được về giá trị tài sản có tranh chấp, căn cứ kết quả định giá xác định giá trị tài sản chung gồm: Đất: 348.000.000 đồng. Công trình, vật, kiến trúc trên đất: 01 nhà ở: 24.637.000 đồng; 01 cửa cuốn: 7.968.000 đồng; 01 cửa sắt xếp: 5.580.000 đồng; bán mái trước: 28.514.000 đồng; nền lát vữa xi măng sau nhà: 2.896.000 đồng; tường xây gạch ba banh: 3.046.000 đồng; giếng khoan: 9.000.000 đồng; nhà vệ sinh: 9.944.000 đồng; téc nước: 3.000.000 đồng; bán mái 1: 14.449.500 đồng; bán mái 2: 4.446.000 đồng; chuồng gà: 4.075.500 đồng; 01 cây chanh: 142.000 đồng; 02 cây mắc mật: 460.000 đồng. Tổng cộng: 118.158.000 đồng. Các tài sản khác: 01 chiếc xe máy hiệu sirius RC, nhãn hiệu Yamaha, biển kiểm soát 12X1 - 015.03: 6.000.000 đồng. 01 xe ô tô tải hãng THACO biển kiểm sát 12C-07788: 166.656.000 đồng. Tổng giá trị tài sản chung là: 638.814.000 đồng. Trong đó nhà, đất, các tài sản gắn liền với đất: 466.158.000 đồng. Tài sản khác (xe mô tô, ô tô): 172.656.000 đồng. Ngoài ra còn các tài sản như: 01 giá nâng hàng; ti vi, tủ lạnh, máy giặt và 04 bộ amly không định giá vì bà Hoàng Thị L đồng ý để ông Nguyễn Văn H sở hữu, không tranh chấp.

[9] Về phân chia tài sản: Chấp nhận yêu cầu của bà Hoàng Thị L về chia tài sản chung. Bà Hoàng Thị L được sử dụng 01 thửa đất có diện tích 116m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 60, tờ bản đồ địa chính số 5 tại khu Đ, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn và được sở hữu các tài sản sau: 01 nhà ở; 01 cửa cuốn; 01 cửa sắt xếp; bán mái trước; nền lát vữa xi măng sau nhà; tường xây gạch ba banh; giếng khoan; nhà vệ sinh; téc nước; bán mái 1; bán mái 2; chuồng gà; 01 cây chanh; 02 cây mắc mật. Tổng cộng: 466.158.000 đồng. Ông Nguyễn Văn H được sở hữu 01 chiếc xe máy hiệu sirius RC, nhãn hiệu Yamaha, biển kiểm soát 12X1-015.03: 6.000.000 đồng; 01 xe ô tô tải hãng THACO biển kiểm sát 12C-07788: 166.656.000 đồng. Tổng cộng: 172.656.000 đồng. Ngoài ra ông H còn được sở hữu các tài sản không tranh chấp gồm: 04 bộ âm ly, 01 giá nâng hàng; ti vi, tủ lạnh, máy giặt. Phần mỗi người được chia: 638.814.000 đồng : 2 = 319.407.000 đồng (ba trăm mười chín

triệu bốn trăm linh bảy nghìn đồng). Đối trừ chênh lệch về tài sản: Bà Hoàng Thị L còn phải trả cho ông Nguyễn Văn H: 319.407.000 đồng - 172.656.000 đồng = 146.751.000 đồng (một trăm bốn mươi sáu triệu bảy trăm năm mươi một nghìn đồng). Không chấp nhận yêu cầu đòi quản lý, sử dụng toàn bộ tài sản của ông H vì bà L là phụ nữ cần có chỗ ở ổn định, hơn nữa bà L có khả năng thanh toán tiền chênh lệch ngay để ông H tạo nơi ở mới.

[10] Về quyền lưu cư: Hiện nay ông Nguyễn Văn H đang sinh sống tại ngôi nhà và thửa đất được chia cho bà Hoàng Thị L, do đó cần xác định ông H có quyền lưu cư trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày quan hệ hôn nhân chấm dứt để ông H có điều kiện và thời gian tìm nơi ở mới theo quy định tại Điều 63 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[11] Về nợ chung: Ông Nguyễn Văn H và bà Hoàng Thị L mỗi người phải chịu  $\frac{1}{2}$  các khoản nợ chung của vợ chồng. Tuy nhiên tại phiên tòa bà Hoàng Thị L nhận trả cả 02 khoản nợ chung cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn với lý do nếu bà L được chia nhà đất thì sẽ chịu trách nhiệm trả nợ ngân hàng vì tiền vay sử dụng vào mục đích sửa chữa nhà và hiện nhà đất đang là tài sản thế chấp. Đồng thời bà L không yêu cầu khấu trừ khoản nợ là để tạo điều kiện cho ông H lo nơi ở mới. Đề nghị này của bà Hoàng Thị L được phía Ngân hàng chấp nhận. Việc bà Hoàng Thị L tự nguyện trả các khoản nợ và được ngân hàng đồng ý là không trái pháp luật, không gây thiệt hại cho bên thứ ba nên được chấp nhận.

[12] Về khoản nợ theo hợp đồng thấu chi số 8412-LAV-202100022 ngày 05/01/2021 là khoản vay sau khi bà Hoàng Thị L và ông Nguyễn Văn H đã ly thân, bà L cũng thừa nhận đây là khoản nợ riêng. Bà Hoàng Thị L cam kết tự chịu trách nhiệm trả số tiền bà L đã vay cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn - Chi nhánh huyện C, số tiền nợ trên không phải là nợ chung của vợ chồng.

[13] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn Hoàng Thị L đã tạm ứng chi cho việc xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản số tiền: 15.000.000 đồng. Sau khi xem xét thẩm định, định giá tài sản đã hoàn lại cho bà L số tiền thừa là: 6.400.000 đồng. Tổng chi phí tố tụng là 8.600.000 đồng, trong đó chi phí xem xét thẩm định là: 5.100.000 đồng; chi phí định giá là 3.500.000 đồng. Căn cứ khoản 3 Điều 157; khoản 2 Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Hoàng Thị L phải chịu toàn bộ số tiền chi phí xem xét thẩm định là 5.100.000 đồng (năm triệu một trăm nghìn đồng) và  $\frac{1}{2}$  chi phí định giá tài sản là 1.750.000 đồng (một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng), tổng cộng bà Hoàng Thị L phải chịu là 6.850.000 đồng (sáu triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng). Ông Nguyễn Văn H phải chịu số tiền định giá tài sản theo phần được chia là 1.750.000 đồng (một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Xác nhận bà Hoàng Thị L đã tạm ứng trước 8.600.000 đồng, ông Nguyễn Văn H có trách nhiệm hoàn trả cho bà Hoàng Thị L số tiền là 1.750.000 đồng (một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng), nếu chậm trả sẽ phải chịu lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[14] Về án phí: Bà Hoàng Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và án phí dân sự có giá gạch theo phần tài sản được chia và ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo phần tài sản được chia theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[15] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 2, 4 Điều 147; khoản 3 Điều 157; khoản 2 Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357; Điều 468 của Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 24; Điều 27; Điều 37; khoản 1 Điều 51; Điều 55; điểm a, b khoản 2, khoản 3, khoản 5 Điều 59; Điều 60 Luật Hôn nhân và Gia đình; các điểm a, b khoản 5; các điểm a, b khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Hoàng Thị L và ông Nguyễn Văn H.

2. Về tài sản chung: Bà Hoàng Thị L được quản lý sử dụng 01 thửa đất có diện tích 116m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 60, tờ bản đồ địa chính số 5 tại khu Đ, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn và các tài sản gắn liền với đất, gồm: 01 nhà ở; 01 cửa cuốn; 01 cửa sắt xếp; bán mái trước; nền lát vữa xi măng sau nhà; tường xây gạch ba banh; giếng khoan; nhà vệ sinh; téc nước; bán mái 1; bán mái 2; chuồng gà; 01 cây chanh; 02 cây mắc mật. Độ dài, kích thước các cạnh và ranh giới tiếp giáp được thể hiện trong trích lục bản đồ và sơ họa kèm theo bản án. Ông Nguyễn Văn H có quyền lưu cư trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày quan hệ hôn nhân chấm dứt.

Sau khi thực hiện xong nghĩa vụ với Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn - Chi nhánh huyện C, bà Hoàng Thị L có quyền kê khai với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai.

2. Ông Nguyễn Văn H được sở hữu: 01 chiếc xe máy sirius màu vàng, là loại xe máy hiệu sirius RC, nhãn hiệu Yamaha, biển kiểm soát 12X1 - 015.03, màu vàng - đen, số kilomet đã đi được 24814 km, được Công an tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 001762 ngày 21/11/2012 cho ông Nguyễn Văn H, thôn M, xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, số khung: C640CY910990, số máy: 5e64910992, (bà Hoàng Thị L đang quản lý). 01 xe ô tô

tải hãng THACO biển kiểm soát 12C-07788 màu xanh số khung RNHA245AC\*C, khối lượng 1.060kg được đăng ký ngày 10/9/2018, (hiện do ông Nguyễn Văn H đang quản lý, sử dụng). Các tài sản khác gồm: 01 giá nâng hàng; 01 ti vi, 01 tủ lạnh, 01 máy giặt và 04 bộ amly, (các tài sản này hiện do ông H quản lý).

Bà Hoàng Thị L có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Văn H số tiền là 146.751.000 đồng (một trăm bốn mươi sáu triệu bảy trăm năm mươi một nghìn đồng).

3. Về nợ chung: Bà Hoàng Thị L có trách nhiệm trả 02 khoản nợ chung cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn - Chi nhánh huyện C theo Hợp đồng tín dụng số 8412-LAV-201801950 ngày 07/9/2018 dư nợ tính đến ngày 15/4/2021 là 57.000.000 đồng. Hợp đồng tín dụng số 8412-LAV-201901930 ngày 14/9/2017 dư nợ tính đến ngày 15/4/2021 là 128.319.000 đồng.

4. Về chi phí tố tụng: Bà Hoàng Thị L phải chịu toàn bộ số tiền chi phí xem xét thẩm định là 5.100.000 đồng (năm triệu một trăm nghìn đồng) và chi phí định giá tài sản là 1.750.000 đồng (một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng), tổng cộng bà Hoàng Thị L phải chịu là 6.850.000 đồng (sáu triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng). Ông Nguyễn Văn H phải chịu số tiền định giá tài sản là 1.750.000 đồng (một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Xác nhận bà Hoàng Thị L đã tạm ứng trước 8.600.000 đồng, ông Nguyễn Văn H có trách nhiệm hoàn trả cho bà Hoàng Thị L số tiền là 1.750.000 đồng (một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật người có quyền thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành án, theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn: Bà Hoàng Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Ông Nguyễn Văn H không phải chịu. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch (theo phần tài sản được chia có trừ đi phần giá trị tài sản thực hiện nghĩa vụ với bên thứ ba): Bà Hoàng Thị L phải chịu 11.337.375 đồng (mười một triệu ba trăm ba mươi bảy nghìn ba trăm bảy mươi lăm đồng), tổng cộng là 11.637.375 đồng (mười một triệu sáu trăm ba mươi bảy nghìn ba trăm bảy mươi lăm đồng) án phí nộp ngân sách nhà nước. Xác nhận bà Hoàng Thị L đã nộp tạm ứng số tiền 10.300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0000411 ngày 27 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Bà Hoàng Thị L còn phải chịu án phí dân sự là 1.337.375 đồng (một triệu ba trăm ba mươi bảy nghìn ba trăm bảy mươi lăm đồng). Ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch (theo phần tài sản được chia có trừ đi phần giá trị tài sản thực hiện nghĩa vụ với bên thứ ba) là 11.337.375 đồng (mười một triệu ba trăm ba mươi bảy nghìn ba trăm bảy mươi lăm đồng), nộp ngân sách Nhà nước.

Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Chi Lăng;
- Chi cục THA dân sự huyện C;
- UBND thị trấn Đ, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thế Khuynh**